

Số: 439 /BC-MNTL

Tràng Lương, ngày 3 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024 - 2025**

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	09	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	05	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm	04	-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4.987.5m ²	25,8m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	2.600m ²	13,4 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		4,5 m ² /trẻ em
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	381 m ²	2,03 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	238.8 m ²	012.4m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	276.78	1.4m ² /trẻ em
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	60	0.3m ² /trẻ em
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	70	0.4m ² /trẻ em
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	9	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	6	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	3	Bộ không đầy đủ
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	6	06 bộ/1 sân chơi

IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)		Máy tính: 15
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)

1	Bộ thiết bị thông minh	4	2/2 lớp MG 5 tuổi 2/2 Lớp MG 4 Tuổi
2	Đồ dùng đồ chơi tự làm	09	09/nhóm(lớp)

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		11		0,4
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Tràng Lương, ngày 30 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Phong